

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3- NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52 /2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26/12/2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phiếu

Bà Nguyễn Thị Phương Thiệu

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3-
Ninh B

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Ninh Bình tham gia phiên
tòa:* Bà Đinh Thị Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3- Ninh B
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng
10 năm 2025; về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số 46/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025
giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Quách Thị B sinh năm 1995; Nơi cư trú: Thôn 5, xã P, tỉnh
Ninh B; Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, phường T, tỉnh Ninh B. (Có đơn xin xét xử vắng
mặt).

Số Căn cước công dân: 037195001230; Cấp ngày 29/9/2022; Nơi cấp: Cục
trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn 5, xã P, tỉnh Ninh
B.(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Số Căn cước công dân: 037090004313; Cấp ngày 16/12/2021; Nơi cấp: Cục
trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Quách Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Quách Thị B và anh Nguyễn Văn H được tự do tìm
hiếu và tự nguyện đi đăng ký kết hôn ngày 03/10/2016 tại UBND xã P, huyện N,
tỉnh Ninh B (nay xã P, tỉnh Ninh B) Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa
thuận hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là

do không có tiếng nói chung. Dẫn đến cãi vã và không tin tưởng lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng không hạnh phúc. Trong thời gian sinh sống hai vợ chồng ông mâu thuẫn càng trầm trọng khiến không khí gia đình căng thẳng. **Chi B** và anh H đã không ở cùng nhau và ly thân, chị B về bố mẹ đẻ ở thôn Đ, phường T, tỉnh Ninh B để ở cho đến nay. Chị B thấy cho đến nay mâu thuẫn đã căng thẳng, trầm trọng không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nên chị làm đơn này đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 03 con chung là các cháu: Nguyễn Thảo N1 sinh ngày 13/6/2016; cháu Nguyễn Thảo A sinh ngày 30/10/2018 và cháu Nguyễn Thảo V sinh ngày 24/9/2021; Hiện nay cháu N1 và cháu A đang ở với anh Nguyễn Văn H còn cháu V hiện nay đang ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu V đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Còn đối với cháu N1 và cháu A đang ở với anh H và anh H có nguyện vọng nuôi hai cháu nên chị đề nghị giao hai cháu N1 và cháu A để anh H nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Anh H nuôi cháu N1 và cháu A là nuôi N1ều hơn chị nên chị có nguyện vọng được cấp dưỡng nuôi cháu N1 mỗi tháng là 1.000.000 đồng đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và công nợ chung tự thỏa thuận nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xử vắng mặt chị Quách Thị B vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H vì tình cảm chị không còn. Về con chung, Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu V đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Còn đối với cháu N1 và cháu A đang ở với anh H và anh H có nguyện vọng nuôi hai cháu nên chị đề nghị giao hai cháu N1 và cháu A để anh H nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Anh H nuôi cháu N1 và cháu A là nuôi N1ều hơn chị nên chị có nguyện vọng được cấp dưỡng nuôi cháu N1. mỗi tháng là 1.000.000 đồng đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và công nợ chung: tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhưng đã có đơn xin giải quyết vắng mặt và không có mặt nhưng đã có ý kiến trình bày như sau: năm 2016 anh và chị B có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện N, tỉnh Ninh B (nay xã P, tỉnh Ninh B) trên cơ sở tự nguyện; sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh là do quan điểm sống và cách sống không hợp nhau dẫn đến to tiếng, xô sát, cãi vã

nhau, sau đó chị B bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở phường T, tỉnh Ninh B cho đến nay, nay chị B nộp đơn xin ly hôn xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh H cũng đồng ý ly hôn với chị B.

Về con chung: anh H và chị B có 03 con chung các cháu: Nguyễn Thảo N1 sinh ngày 13/6/2016; cháu Nguyễn Thảo A sinh ngày 30/10/2018 và cháu Nguyễn Thảo V sinh ngày 24/9/2021; Hiện nay cháu N1 và cháu A đang ở với anh Nguyễn Văn H còn cháu V hiện nay đang ở với chị B. Khi ly hôn anh đề nghị để tự thỏa thuận. Về cấp dưỡng: anh H đề nghị để anh và chị B tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, công nợ chung: tự thỏa thuận nên không yêu cầu tòa án giải quyết

Trong quá trình giải quyết anh Nguyễn Văn H có trình bày do điều kiện công việc N1 không tiện đi lại nên không thể thường xuyên về làm việc với tòa án được nên có đề nghị tòa án trong quá trình giải quyết và xét xử cho anh được vắng mặt.

Ngoài ra, anh Nguyễn Văn H không có yêu cầu phản tố hay đề nghị gì khác.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Ninh Bình tham gia tố tụng tại phiên tòa giải quyết vụ án sơ thẩm phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào Điều Điều 5, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự

Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quách Thị B. Xử lý hôn giữa chị Quách Thị B với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao 02 cháu Nguyễn Thảo N1, sinh ngày 13/6/2016, cháu Nguyễn Thảo A, sinh ngày 30/10/2018 hiện đang ở cùng anh Nguyễn Văn H cho anh H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; giao cháu Nguyễn Thảo V, sinh ngày 24/9/2021 hiện đang ở cùng chị Quách Thị B cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung:Chị Quách Thị B có trách N1êm cấp dưỡng nuôi cháu N1 cùng anh H mức cấp dưỡng 1.000.000đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi.

3. Về án phí: chị Quách Thị B phải chịu án phí ly hôn theo quy định là 300.000đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 - Ninh B. Chị B còn phải chịu án phí cấp dưỡng số tiền 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ ly hôn Tòa án nhân dân khu vực 3- Ninh B giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Quách Thị B có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Theo khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải là có căn cứ.

Ngày 09/12/2025, nguyên đơn chị Quách Thị B có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị B.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn H là bị đơn trong vụ án đã có yêu cầu xin xử vắng mặt tại phiên tòa với công việc N1ều không thể tham gia phiên tòa được. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Quách Thị B và anh Nguyễn Văn H được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 03/10/2016 tại UBND xã P, huyện N, tỉnh Ninh B (nay là xã P, tỉnh Ninh B) trên cơ sở tự nguyện đây là cuộc hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 49/2016 vào ngày 03/10/2016 đây là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn vợ chồng chị B và anh H chung sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không có tiếng nói chung. Dẫn đến cãi vã và không tin tưởng lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng không hạnh phúc. Trong thời gian sinh sống hai vợ chồng ông mâu thuẫn càng trầm trọng khiến không khí gia đình căng thẳng. Chị B và anh H đã không ở cùng nhau và ly thân, chị B về bố mẹ đẻ ở thôn Đ, phường T, tỉnh Ninh B để ở cho đến nay. Chị B thấy cho đến nay mâu thuẫn đã căng thẳng, trầm trọng không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nên chị làm đơn này đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Anh Nguyễn Văn H cũng trình bày sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân, thời gian mâu thuẫn giống như chị B đã trình bày. Sau thời gian phát sinh mâu thuẫn, nay chị B xin ly hôn anh thì anh cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chính quyền địa phương nơi chị B và anh H cư trú cũng xác nhận có đăng ký kết hôn hợp pháp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Sau khi đăng ký kết hôn chị B, anh H sinh sống tại thôn 5, xã P, huyện Nho Quan, tỉnh Ninh B (nay xã P, tỉnh Ninh B) và đến nay anh H chị B không sống chung với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh H và chị B thì địa phương không nắm rõ. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị B, xử cho chị Quách Thị B được ly hôn với anh Nguyễn Văn H là phù hợp Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị Quách Thị B và anh Nguyễn Văn H có 3 con chung là các cháu: Nguyễn Thảo N1 sinh ngày 13/6/2016; cháu Nguyễn Thảo A sinh ngày 30/10/2018 và cháu Nguyễn Thảo V sinh ngày 24/9/2021; Hiện nay cháu N1 và cháu A đang ở với anh Nguyễn Văn H còn cháu V hiện nay đang ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu V đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Còn đối với cháu N1 và cháu A đang ở với anh H và anh H có nguyện vọng nuôi hai cháu nên chị đề nghị giao hai cháu N1 và cháu A để anh H nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi hai cháu đủ 18 tuổi và anh H cũng đồng ý giao cháu V cho chị B nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi và nhận nuôi hai con là cháu Nguyễn Thảo N1 và Nguyễn Thảo A đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, tại đơn nguyện vọng của cháu N1 và cháu An hai cháu cũng có nguyện vọng ở với anh H. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và nguyện vọng được nuôi con của anh H và chị B là chính đáng và anh H đồng ý để chị B nuôi cháu V và anh H nuôi cháu N1 và cháu A đến khi đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cho chị Quách Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thảo V đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thảo N1 và Nguyễn Thảo A đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Quách Thị B tự nguyện cấp dưỡng nuôi con do anh H phải nuôi hai con còn chị chỉ nuôi một cháu nên chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N1 mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi và quá trình giải quyết anh H không trình bày mà chỉ trình bày là để tự thỏa thuận với chị B nhưng xét sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị B và việc anh H đang phải nuôi hai con nên Hội đồng xét xử chấp nhận chị B cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thảo N1 mỗi tháng 1.000.000 đồng/tháng cho cháu N1 đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị B không yêu cầu do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Quách Thị B chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000 đồng Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí tại phòng Thi hành án Dân sự khu vực 3, tỉnh Ninh B theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002361 ngày 29 tháng 10 năm 2025. Chị B còn phải tiếp tục nộp số tiền 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107; Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5,6 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Quách Thị B được ly hôn đối với anh Nguyễn Văn H. Quan hệ hôn nhân của chị Quách Thị B và anh Nguyễn Văn H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thảo V sinh ngày 24/9/2021 cho chị Quách Thị B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Giao cháu Nguyễn Thảo N1 sinh ngày 13/6/2016; cháu Nguyễn Thảo A sinh ngày 30/10/2018 cho anh Nguyễn Văn H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Quách Thị B cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thảo N1 sinh ngày 13/6/2016 số tiền 1.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung, công nợ chung: Tòa án không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Quách Thị B chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí tại phòng Thi hành án Dân sự khu vực 3, tỉnh Ninh B theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002361 ngày 29 tháng 10 năm 2025. Chị Quách Thị B còn phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm chị Quách Thị B và anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh B;
- VKSND KV3- NB;
- THA tỉnh Ninh B;
- UBND xa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lâm Thị Thanh Nhân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lâm Thị Thanh Nhàn

